

Số 2539 /NHCS-TD

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2008

HƯỚNG DẪN
QUY TRÌNH THỦ TỤC CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
CỦA QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ Quốc gia về việc làm; Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 14/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BKHĐT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14) ngày 29/7/2008 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ Quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg.

Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay giải quyết việc làm của Quỹ Quốc gia về việc làm như sau:

I. MỘT SỐ NỘI DUNG ĐƯỢC HIỂU VÀ THỰC HIỆN THÔNG NHẤT TRONG VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Đối tượng được vay vốn giải quyết việc làm bao gồm:

1.1. Hộ kinh doanh cá thể; tổ hợp sản xuất, hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật; doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; chủ trang trại; Trung tâm Giáo dục Lao động - Xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh).

1.2. Hộ gia đình.

2. Điều kiện vay vốn

2.1. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Phải có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã hoặc cơ quan thực hiện chương trình ở địa phương nơi thực hiện dự án xác nhận;

- Đối với dự án có mức vay trên 30 triệu đồng phải có tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định hiện hành hoặc bảo đảm tiền vay theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

2.2. Đối với hộ gia đình

- Phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới;
- Phải có dự án vay vốn được UBND cấp xã hoặc cơ quan thực hiện chương trình ở địa phương nơi thực hiện dự án;
- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

3. Mức cho vay

Mức cho vay đối với từng cơ sở sản xuất kinh doanh, từng hộ gia đình được xác định căn cứ vào nhu cầu vay, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của từng cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình nhưng không quá mức cho vay tối đa theo quy định sau:

- Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh: mức cho vay tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án và không quá 20 triệu đồng/1 lao động được thu hút mới;
- Đối với hộ gia đình: mức cho vay tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình.

4. Thời hạn cho vay

4.1. Thời hạn cho vay tối đa 12 tháng áp dụng đối với:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Trồng cây lương thực, hoa màu có thời gian sinh trưởng dưới 12 tháng;
- Dịch vụ, kinh doanh nhỏ.

4.2. Thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 24 tháng áp dụng đối với:

- Trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa màu có thời gian sinh trưởng trên 12 tháng;
- Nuôi thủy, hải sản, con đặc sản;
- Chăn nuôi gia súc sinh sản, đại gia súc lấy thịt;
- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chế biến (nông, lâm, thổ, hải sản).

4.3. Thời hạn cho vay từ trên 24 tháng đến 36 tháng áp dụng đối với:

- Chăn nuôi đại gia súc sinh sản, lấy sữa, lấy lông, lấy sừng;
- Đầu tư mua thiết bị máy móc phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải thủy bộ loại vừa và nhỏ, ngư cụ nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản;
- Chăm sóc cải tạo vườn cây ăn trái, cây công nghiệp.

4.4. Thời hạn cho vay từ trên 36 tháng đến 60 tháng áp dụng đối với:

Trồng mới cây ăn quả, cây nguyên liệu, cây công nghiệp dài ngày.

5. Phương thức cho vay

5.1. Đối với hộ gia đình:

5.1.1. Đối với các dự án vay vốn thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh và nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội quản lý (trừ nguồn vốn do Hội người mù quản lý): Áp dụng phương thức cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) trên cơ sở thiết lập các tổ Tiết kiệm và vay vốn ở thôn, bản như cơ chế cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Đối với những nơi đã có Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) đang hoạt động thì Tổ trưởng Tổ TK&VV tổ chức kết nạp người vay vào Tổ để họ thực hiện các thủ tục vay vốn Ngân hàng.

- Đối với những nơi chưa có Tổ TK&VV thì Ngân hàng nơi cho vay phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương để chỉ đạo thành lập Tổ TK&VV để người vay thực hiện các thủ tục vay vốn Ngân hàng.

5.1.2. Đối với các dự án thuộc nguồn vốn do Hội người mù quản lý: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp thông qua các dự án, có thể là dự án nhóm hộ hoặc dự án do người vay vốn trực tiếp làm chủ dự án.

5.2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại Hội sở Ngân hàng cấp tỉnh, cấp huyện.

6. Xây dựng dự án

Các đối tượng khách hàng khi có nhu cầu vay vốn phải xây dựng dự án trình bày rõ mục tiêu, nội dung, hiệu quả kinh tế của dự án và cam kết sử dụng vốn đúng mục đích, thu hút số lao động vào làm việc, cụ thể:

6.1. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh: chủ cơ sở sản xuất kinh doanh là chủ dự án phải xây dựng dự án vay vốn theo mẫu số 1a ban hành kèm theo Thông tư số 14.

6.2. Đối với hộ gia đình: chủ hộ làm chủ dự án phải xây dựng dự án theo mẫu số 1b ban hành kèm theo Thông tư số 14, cụ thể:

- Đối với các hộ gia đình cùng tham gia một dự án (dự án nhóm hộ gia đình): người vay vốn phải làm đơn tham gia dự án theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 14 gửi chủ dự án (là người đại diện nhóm hộ gia đình hoặc đại diện chính quyền hoặc đại diện cơ quan thực hiện Chương trình);

- Đối với hộ gia đình tự xây dựng dự án thì người vay vốn làm chủ dự án.

7. Thẩm định dự án và phê duyệt dự án

7.1. Thẩm quyền thẩm định dự án

NHCSXH địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc ủy thác cho tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã tổ chức thẩm định, bảo đảm các chỉ tiêu tạo việc làm mới và bảo toàn vốn trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định:

a. Đối với các dự án vay vốn của hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội quản lý (trừ nguồn vốn do Hội người mù quản lý): NHCSXH ủy thác cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị đang nhận ủy thác cho NHCSXH) tổ chức việc thẩm định dự án vay vốn.

b. Đối với các dự án vay vốn của hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Hội người mù quản lý: NHCSXH trực tiếp tổ chức thẩm định dự án vay vốn.

c. Đối với các dự án vay vốn của các cơ sở sản xuất kinh doanh: NHCSXH trực tiếp tổ chức thẩm định dự án vay vốn.

7.2. Thẩm quyền phê duyệt dự án

a. Đối với các dự án có mức vốn vay đến 100 triệu đồng: NHCSXH địa phương trình Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt (đối với các dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý), trình Thủ trưởng cơ quan thực hiện Chương trình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt (đối với các dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quản lý).

b. Đối với các dự án có mức vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng: NHCSXH địa phương trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt (đối với các dự án thuộc nguồn vốn do địa phương quản lý), trình Thủ trưởng cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình phê duyệt (đối với dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quản lý).

Tùy theo tình hình thực tế ở địa phương và của các cơ quan thực hiện Chương trình, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình có thể phân cấp cho cấp dưới phê duyệt dự án đối với mức vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng.

c. Đối với các dự án vay vốn do Bộ Quốc phòng quản lý, tùy theo tình hình cụ thể do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phân cấp cho cấp dưới phê duyệt dự án.

7.3. Thời hạn thẩm định và phê duyệt cho vay

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thực hiện chương trình hoặc NHCSXH có trách nhiệm thẩm định hồ sơ cho vay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

- Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt, cơ quan có thẩm quyền phải phê duyệt dự án, nếu không ra Quyết định phê duyệt dự án thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH thông báo cho người vay.

II. THỦ TỤC VÀ QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ CHO VAY

1. Thủ tục và quy trình cho vay

Người vay lập 03 bộ hồ sơ, 01 bộ người vay giữ, 01 bộ tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội giữ, 01 bộ NHCSXH nơi cho vay giữ.

1.1. Đối với các dự án vay vốn của hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh và nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội quản lý (trừ nguồn vốn do Hội người mù quản lý):

- Người vay lập dự án vay vốn (mẫu số 1b) gửi Tổ TK&VV.

- Tổ TK&VV nhận hồ sơ của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên dự án, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Trường hợp người vay chưa là thành viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn, bản đang hoạt động hiện nay tổ chức kết nạp thành viên bổ sung hoặc thành lập Tổ mới nếu đủ điều kiện.

- Sau đó, Tổ TK&VV trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH nhận ủy thác để tiến hành thẩm định dự án, việc thẩm định theo mẫu số 3b ban hành kèm theo Thông tư số 14.

- Sau khi có kết quả thẩm định, Tổ TK&VV lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm theo dự án vay vốn (mẫu số 01b) trình UBND cấp xã xác nhận trên dự án về địa chỉ cư trú hợp pháp của hộ gia đình và xác nhận trên danh sách mẫu số 03/TD về địa chỉ cư trú hợp pháp tại xã, thuộc các hộ có nhu cầu vay vốn để giải quyết việc làm.

- Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ trưởng Tổ TK&VV gửi bộ hồ sơ xin vay cho NHCSXH. Khi nhận hồ sơ do Tổ TK&VV gửi lên NHCSXH viết Giấy biên nhận theo mẫu số 18/TD sau đó trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn sau đó hướng dẫn hộ vay lập Khế ước nhận nợ (mẫu số 01/TD) trình Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phê duyệt giải ngân.

- NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã.

- UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác) để Tổ TK&VV thông báo cho người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục nhận tiền vay.

1.2. Đối với các dự án vay vốn của hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Hội người mù quản lý:

- Xây dựng dự án:

+ Trường hợp các hộ gia đình cùng tham gia một dự án (dự án nhóm hộ gia đình): người vay vốn phải làm đơn tham gia dự án theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 14 gửi chủ dự án, chủ dự án kiểm tra các yếu tố trên Đơn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ, nếu chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại thủ tục hoặc bổ sung phần còn thiếu, sau đó tổng hợp xây dựng thành dự án nhóm hộ theo mẫu số 1b và lập biểu tổng hợp danh sách hộ gia đình tham gia dự án vay vốn giải quyết việc làm ban hành kèm theo Thông tư số 14.

+ Đối với hộ gia đình: chủ hộ làm chủ dự án xây dựng dự án theo mẫu số 1b ban hành kèm theo Thông tư số 14.

- Chủ dự án trình UBND cấp xã nơi thực hiện dự án xác nhận trên đơn tham gia dự án về việc cư trú hợp pháp của người vay và xác nhận trên dự án về địa chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đối tượng hiện đang hoạt động trên địa bàn.

- Chủ dự án gửi hồ sơ cho NHCSXH nơi cho vay, hồ sơ bao gồm: đơn tham gia dự án và dự án vay vốn. NHCSXH nơi cho vay kiểm tra các yếu tố trên dự án vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ, nếu chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại thủ tục

hoặc bổ sung phần còn thiếu, sau đó ghi giấy biên nhận hồ sơ cho Chủ dự án theo mẫu số 18/TD.

- Cán bộ NHCSXH được phân công tiến hành thẩm định theo mẫu số 3b, sau đó trình Tổ trưởng (Trưởng phòng) xem xét hoặc thẩm định lại (nếu thấy cần thiết) sau đó trình Giám đốc để trình bộ hồ sơ xin vay lên cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay hoặc lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD (đối với trường hợp không đủ điều kiện cho vay) gửi người vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn sau đó hướng dẫn hộ vay lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 5b/GQVL ban hành kèm theo văn bản này, trình Giám đốc phê duyệt giải ngân.

- NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi chủ dự án (đồng thời gửi cơ quan thực hiện chương trình cấp cơ sở để thông báo cho người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhận tiền vay.

1.3. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

- Người vay vốn lập dự án vay vốn theo mẫu số 01a ban hành kèm theo Thông tư 14 có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án về địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đối tượng hiện đang hoạt động trên địa bàn.

- Đối với các đối tượng có mức vay trên 30 triệu đồng, người vay phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định.

- Ngoài ra, tùy theo từng trường hợp cụ thể người vay cần có một trong các giấy tờ sau:

+ Bản sao Hợp đồng hợp tác sản xuất, kinh doanh có chứng nhận của UBND cấp xã (đối với Tổ hợp tác);

+ Bản sao Giấy tờ chứng minh có đủ tiêu chí xác định trang trại theo quy định tại mục III Thông tư liên tịch số 69/2000/BNN-TCTK ngày 23/6/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tổng cục Thống kê "Hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại" (đối với Chủ trang trại);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hành nghề (đối với Hộ kinh doanh cá thể; Hợp tác xã; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật doanh nghiệp; Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật);

+ Bản sao Quyết định thành lập (đối với Trung tâm giáo dục lao động - xã hội);

- Người vay vốn gửi hồ sơ xin vay tới NHCSXH, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay vốn, sau đó viết Giấy biên nhận theo mẫu số 18/TD.

- Cán bộ NHCSXH được phân công tiến hành thẩm định theo mẫu số 3a ban hành kèm theo Thông tư số 14 trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) Tín dụng tổng hợp hoặc tổ chức thẩm định lại (nếu thấy cần thiết) sau đó trình Giám đốc

NHCSXH ký duyệt để trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay (đối với trường hợp đủ điều kiện cho vay) hoặc lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD trình Giám đốc NHCSXH gửi đến người vay (đối với trường hợp không đủ điều kiện vay vốn).

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ NHCSXH được Giám đốc phân công yêu cầu người vay lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật (trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay) và cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 5a/GQVL ban hành kèm theo văn bản này, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân.

2. Tổ chức giải ngân

- Đối với hộ gia đình: Việc tổ chức giải ngân được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo, người vay trực tiếp đến nhận tiền vay tại nơi quy định. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền vay nhưng phải có giấy uỷ quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: NHCSXH có thể giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại trụ sở NHCSXH cấp tỉnh hoặc cấp huyện.

3. Thu nợ, thu lãi

3.1. Thu nợ: NHCSXH tiến hành thu nợ trực tiếp từ người vay theo định kỳ khi đến hạn do người vay và Ngân hàng thoả thuận trên Hợp đồng tín dụng (khế ước nhận nợ). Người vay có thể trả nợ trước hạn.

3.2. Thu lãi: Việc thu lãi được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

- Đối với các hộ gia đình vay vốn thông qua các Tổ TK&VV và uỷ thác qua các tổ chức chính trị - xã hội thì NHCSXH có thể uỷ nhiệm cho Tổ TK&VV thu lãi theo quy định hiện hành.

- Đối với dự án nhóm hộ: Tùy tình hình thực tế, NHCSXH thực hiện việc thu lãi trực tiếp của từng hộ hoặc uỷ nhiệm cho chủ dự án trực tiếp thu lãi của từng hộ trong nhóm dự án nếu chủ dự án có tín nhiệm và được các thành viên của dự án nhất trí. Trường hợp này, chủ dự án cùng NHCSXH ký Hợp đồng uỷ nhiệm theo mẫu số 11/TD và được NHCSXH chi trả hoa hồng theo mức chi trả đối với Tổ trưởng tổ TK&VV, mức chi trả hoa hồng hiện nay là 0,085%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi. Mỗi lần thu lãi, chủ dự án phải ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định và ký nhận vào Phụ lục hợp đồng tín dụng (Khế ước nhận nợ) của hộ vay giữ; đồng thời lập 02 liên "Bảng kê các khoản thu" (mẫu số 12/TD). Khi nộp tiền cho NHCSXH, chủ dự án phải mang theo 02 liên Bảng kê các khoản thu (mẫu số 12/TD) để làm căn cứ thu lãi (chủ dự án lưu 01 liên, NHCSXH lưu 01 liên).

Trường hợp không được uỷ nhiệm thu lãi, thì chủ dự án được NHCSXH uỷ nhiệm thực hiện một số công việc trong qui trình cho vay như: kiểm tra sử dụng vốn vay, đôn đốc các hộ trong dự án trả nợ, trả lãi tiền vay trực tiếp cho NHCSXH theo định kỳ đã thoả thuận... NHCSXH cùng chủ dự án lập Hợp đồng uỷ nhiệm quy định rõ nội dung uỷ nhiệm, quyền lợi, trách nhiệm của mỗi

bên (theo mẫu số 11/TD). Trường hợp này, chủ dự án được Ngân hàng chi trả hoa hồng với mức chi là 0,075%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi.

Để thực hiện Hợp đồng uỷ nhiệm nêu trên, các chủ dự án phải mở sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi, dư nợ của từng thành viên trong dự án. Sổ này phải được cập nhật hàng tháng hoặc quý phù hợp với thực tế phát sinh của các thành viên trong nhóm (sử dụng theo mẫu số 13/TD).

Việc chi trả hoa hồng cho chủ dự án được thực hiện theo tháng, quý... hoặc theo định kỳ thoả thuận giữa Ngân hàng và chủ dự án.

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh và các trường hợp hộ vay trực tiếp: NHCSXH tổ chức thu nợ, thu lãi theo định kỳ đã thoả thuận trên Hợp đồng tín dụng trực tiếp tại Điểm giao dịch hoặc tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

4. Xử lý nợ đến hạn

4.1. Đến hạn trả nợ: người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho NHCSXH.

4.2. Gia hạn nợ: trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng của thời hạn vay, người vay không trả được nợ do các nguyên nhân khách quan gặp khó khăn về tài chính dẫn đến người vay chưa có khả năng trả nợ và có nhu cầu gia hạn phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét giải quyết. Căn cứ vào Giấy đề nghị gia hạn nợ, NHCSXH nơi cho vay kiểm tra, xem xét, giải quyết gia hạn nợ. Sau khi gia hạn nợ, NHCSXH nơi cho vay có trách nhiệm báo cáo với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan thực hiện chương trình cùng cấp để tổng hợp báo cáo liên Bộ.

Thời gian gia hạn nợ: đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay, đối với cho vay trung hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

5. Chuyển nợ quá hạn

5.1. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng (đối với hộ gia đình), hoặc đến kỳ hạn trả nợ theo thoả thuận ghi trên Hợp đồng tín dụng (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh) người vay không trả được nợ, không được ngân hàng xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH chuyển số dư đó sang nợ quá hạn.

5.2. Mọi trường hợp chuyển nợ quá hạn, NHCSXH gửi thông báo chuyển nợ quá hạn cho từng khách hàng (mẫu số 14/TD) và báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để có biện pháp thu hồi nợ tích cực hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

5.3. Sau 03 tháng kể từ ngày chuyển sang nợ quá hạn, nếu đã được đôn đốc trả nợ nhưng vẫn cố tình dây dưa thì NHCSXH xem xét, có thể chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo quy định hiện hành để thu hồi vốn hoặc đề nghị xử lý theo pháp luật; trường hợp nghiêm trọng, đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Kiểm tra, giám sát và xử lý vốn vay

6.1. Kiểm tra, giám sát

a. Đối với các dự án NHCSXH trực tiếp thẩm định và cho vay: NHCSXH trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay:

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay. Đối với dự án nhóm hộ, NHCSXH có thể trực tiếp kiểm tra hoặc uỷ nhiệm cho chủ dự án kiểm tra việc sử dụng tiền vay của từng hộ. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TD) để theo dõi và lưu hồ sơ cho vay.

- Định kỳ hoặc đột xuất, NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan thực hiện chương trình kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, tình hình thu hút thêm lao động hoặc tạo việc làm cho người lao động, kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay (nếu cho vay có bảo đảm bằng tài sản) nhằm đôn đốc khách hàng thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Định kỳ một năm hoặc đột xuất, NHCSXH đối chiếu số dư nợ gốc, số tiền lãi thu được giữa hồ sơ lưu tại Ngân hàng và người vay đảm bảo khớp đúng.

b. Đối với các dự án cho vay thông qua Tổ TK&VV và ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội: Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác từng phần cho NHCSXH thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay theo quy trình hiện hành như đối với chương trình hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

6.2. Xử lý sau khi kiểm tra

Giám đốc NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra tùy theo mức độ vi phạm của người vay quyết định xử lý như sau:

a. Tạm ngừng cho vay trong các trường hợp: người vay sử dụng vốn vay sai mục đích, cung cấp thông tin sai sự thật.

b. Chấm dứt cho vay trong các trường hợp người vay sử dụng vốn vay sai mục đích và báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án vay vốn ra quyết định thu hồi nợ trước hạn.

c. Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp sau:

- Người vay vi phạm các qui định trong Hợp đồng tín dụng đã được NHCSXH thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Người vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng;

- Người vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ Ngân hàng;

- Người vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

7. Xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan

Đối với các dự án bị rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ

tướng Chính phủ, Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 và văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

8. Lưu trữ hồ sơ vay vốn

Toàn bộ hồ sơ cho vay được lưu giữ tại bộ phận kế toán NHCSXH nơi cho vay.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chế độ báo cáo thống kê

1.1. Ngày 7 hàng tháng, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả cho vay Giải quyết việc làm theo mẫu biểu số 02.2/BCTD đính kèm văn bản số 942/NHCS-TD ngày 31/5/2007 “V/v bổ sung, sửa đổi chế độ thông tin báo cáo tín dụng” và theo văn bản hướng dẫn cập nhật chương trình thông tin báo cáo tín dụng hiện hành.

1.2. Mẫu biểu số 05A “Báo cáo phân loại dư nợ cho vay theo đơn vị ủy thác bổ sung thêm chỉ tiêu “cho vay giải quyết việc làm”: Cột (23, 24), trong đó cột 23 “Số tiền” và cột 24 “Trong đó nợ quá hạn”.

Đề đảm bảo tính chính xác của các báo cáo tự động trên máy, yêu cầu ngân hàng nơi cho vay thực hiện điền đủ những thông tin: Mã Tổ trưởng và mã Đơn vị nhận ủy thác đối với những món vay mới. Những Khế ước (hoặc Hợp đồng tín dụng) hiện đang dư nợ, sau khi hoàn tất thủ tục gia nhập Tổ TK&VV cũng cần bổ sung những thông tin trên. Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm bổ sung, sửa đổi chương trình thông tin báo cáo cho phù hợp.

2. Đối với số dư nợ cũ theo những Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hộ gia đình với NHCSXH trước đây thuộc nguồn vốn do địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội quản lý (trừ dư nợ do Hội người mù quản lý) thực hiện theo phương thức cho vay và quản lý trực tiếp đến người vay, nay cũng được chuyển giao theo phương thức cho vay thông qua Tổ TK&VV và ủy thác từng phần cho các tổ chức chính trị - xã hội quản lý, đơn đốc thu hồi nợ theo quy định hiện hành. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay sao kê dư nợ cho vay giải quyết việc làm theo thôn (xóm), bản, buôn, ấp thông báo cho các Hội đoàn thể cấp xã để làm cơ sở tiến hành sát nhập người vay vào Tổ TK&VV nơi họ đang sinh sống.

Các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã vận động người vay gia nhập Tổ TK&VV đang hoạt động tại nơi sinh sống và thực thi quy ước hoạt động của Tổ đã đề ra. Tổ TK&VV kết nạp bổ sung thành viên đang có dư nợ thuộc Chương trình cho vay giải quyết việc làm (Tổ không lập danh sách 03/TD đối với các trường hợp này).

3. Chương trình cho vay giải quyết việc làm được cho vay thông qua Tổ TK&VV và ủy thác từng phần cho các tổ chức chính trị - xã hội tương tự như ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Việc trả phí ủy thác và hoa hồng thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH.

4. Để triển khai chương trình cho vay này được tốt, chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố tổ chức tập huấn về quy chế nghiệp vụ cho vay giải quyết

việc làm và phương pháp thâm định dự án cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở và Ban quản lý Tổ TK&VV.

5. Văn bản này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế văn bản số 321/NHCS-TD ngày 15/02/2006 của Tổng giám đốc NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn giải quyết việc làm của Quỹ Quốc gia về việc làm. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo quy định tại Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 14 ngày 29/7/2008 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg

Quá trình thực hiện có vướng mắc, báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Các cơ quan thực hiện chương trình ở TW;
- Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc;
- Các phòng, Ban tại Hội sở chính;
- TT Đào tạo, TT CNTT (để truyền Fastnet);
- Đại diện Văn phòng khu vực miền Nam;
- Sở Giao dịch, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu VP, phòng NVTD.

KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



The stamp is circular with the text "NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI" in the center and "SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI" around the perimeter. A handwritten signature is written over the stamp.

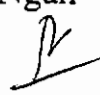
Nguyễn Văn Lý

DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo văn bản số 2539/NHCS-TD ngày 16/9/2008 V/v: hướng dẫn quy trình thủ tục cho vay giải quyết việc làm của Quỹ Quốc gia về việc làm)

STT	MẪU SỐ	TÊN MẪU BIỂU
1	1a	Dự án vay vốn quỹ cho vay GQVL áp dụng cho cơ sở SXKD
2	1b	Dự án vay vốn quỹ cho vay GQVL áp dụng cho hộ gia đình
3		Biểu tổng hợp danh sách hộ gia đình tham gia dự án vay vốn GQVL
4	2	Đơn tham gia dự án vay vốn GQVL
5	3a	Phiếu thẩm định dự án áp dụng cho cơ sở SXKD
6	3b	Phiếu thẩm định dự án áp dụng cho hộ gia đình
7	5a/GQVL	Hợp đồng tín dụng áp dụng cho cơ sở SXKD
8	5b/GQVL	Hợp đồng tín dụng áp dụng cho hộ gia đình
9	01/TD	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án SX và kế ước nhận nợ
10	03/TD	Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH
11	04/TD	Thông báo phê duyệt cho vay
12	06/TD	Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
13	09/TD	Giấy đề nghị gia hạn nợ
14	11/TD	Hợp đồng uỷ nhiệm giữa NHCSXH với Tổ TK&VV V/v.....
15	12/TD	Bảng kê các khoản thu
16	13/TD	Sổ theo dõi cho vay- thu nợ - thu lãi của thành viên
17	14/TD	Thông báo danh sách chuyển nợ quá hạn
18	15/TD	Danh sách đối chiếu dư nợ vay
19	17/TD	Tờ trình
20	18/TD	Giấy biên nhận

Trong đó: Các mẫu biểu 01/TD, 03/TD, 04/TD, 06/TD, 09/TD, 11/TD, 12/TD, 13/TD, 14/TD, 15/TD được dùng theo mẫu của chương trình cho vay hộ nghèo (đính kèm văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội).



DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
(Áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh)

Tên dự án:.....
 Họ và tên chủ dự án:
 Địa chỉ liên hệ:
 Địa điểm thực hiện dự án:

I. BỐI CẢNH

- Đặc điểm tình hình cơ sở sản xuất kinh doanh:
- Bối cảnh kinh tế - xã hội :.....
- Khả năng phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh trong dự án:.....

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định chỗ làm việc cho người lao động.
 - Đảm bảo thu nhập góp phần ổn định cuộc sống cho người lao động.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Chủ thể dự án:
 - Tên gọi cơ sở sản xuất, kinh doanh:
 - Chức năng:
 - Tên người đứng đầu:
 - Địa chỉ trụ sở sản xuất:
 - Vốn hoạt động: đồng
 - Số hiệu tài khoản tiền gửi:
2. Mặt bằng sản xuất, kinh doanh (hiện trạng, diện tích):
 - Văn phòng (địa chỉ, m²):
 - Nhà xưởng, kho bãi (địa chỉ, m²):
3. Nguồn vốn hoạt động (quy ra tiền):
 - Tổng số:
 - Trong đó: - Vốn tự có: đồng
 - Vốn vay: đồng
 - Chia ra: - Vốn cố định: đồng
 - Vốn lưu động: đồng
4. Năng lực sản xuất:
 - Xưởng sản xuất (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động):
 - Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
 - Tổ chức, bộ máy (số lượng phòng ban, số lượng lao động):
5. Kết quả sản xuất kinh doanh (2 năm gần nhất):

12

- Sản phẩm (số lượng, khối lượng từng loại sản phẩm):
- Doanh thu: (đồng)
- Thuế:(đồng). Lợi nhuận : (đồng)
- Tiền lương bình quân của công nhân: (đồng/tháng)

6. Nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển doanh nghiệp:

a) Mở rộng, cải tạo nhà xưởng:

- Diện tích mở rộng, cải tạo:.....
- Chi phí mở rộng, cải tạo:.....

b) Đầu tư trang thiết bị:

- Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Đầu tư vốn lưu động:

Vật tư, nguyên, nhiên liệu (chủng loại, số lượng, giá trị):

d) Nhu cầu sử dụng lao động:

- Lao động hiện có: người
- Lao động tăng thêm: người

Trong đó:

- + Lao động nữ: người
- + Lao động là người tàn tật: người
- + Lao động là người dân tộc: người
- + Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp:..... người

7. Số vốn xin vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm:

- Tổng số vốn xin vay: đồng (% so với tổng số vốn thực hiện dự án).
- Mục đích sử dụng vốn vay:
- Thời hạn vay: tháng. Lãi suất:..... % tháng

8. Tài sản thế chấp: (ghi cụ thể tài sản và giá trị)

IV. HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA DỰ ÁN

1. Đối với doanh nghiệp:

- Tăng năng lực sản xuất (máy móc, thiết bị):
- Tăng sản phẩm, doanh thu (số lượng, giá trị):
- Tăng lợi nhuận: đồng. Tăng số thuế phải nộp ngân sách nhà nước đồng.

2. Đối với người lao động:

- Thu hút và đảm bảo ổn định việc làm cho: lao động
- Tiền công:..... đồng/tháng

V. PHÂN CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tôi xin cam kết:

- Thu hút lao động: (người)
- Sử dụng vốn đúng mục đích đã nêu trong dự án.
- Đảm bảo thời hạn hoàn trả vốn.

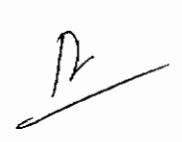


- Thực hiện đầy đủ, đúng chế độ: thời gian làm việc và nghỉ ngơi, bảo hộ lao động, bảo hiểm đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

**Xác nhận của UBND xã,
phường, thị trấn.**

..... Ngày tháng năm

Chủ dự án
(Ký tên, đóng dấu)



DỰ ÁN VAY VỐN QUỸ CHO VAY GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(Áp dụng cho dự án hộ và nhóm hộ gia đình)

Tên dự án:.....

Họ và tên chủ dự án:

Chức vụ:

Địa chỉ thường trú:

Địa điểm thực hiện dự án:

I. MỤC TIÊU DỰ ÁN

1. Phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận.
2. Giải quyết việc làm cho lao động:
 - Tạo thêm chỗ làm việc mới, thu hút thêm lao động vào làm việc.
 - Đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động.

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Ngành nghề chính tham gia dự án:
 - Trồng trọt (số lượng hộ tham gia):
 - Chăn nuôi (số lượng hộ tham gia):
 - Tiểu, thủ công nghiệp, chế biến (số lượng hộ tham gia):
2. Tổng số hộ tham gia dự án (Biểu tổng hợp kèm theo):
 - Tổng số lao động các hộ tham gia dự án: (người)
 - Số lao động được tạo việc làm mới:(người)

Trong đó:

 - + Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:.....người
 - + Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.
3. Tổng số vốn thực hiện dự án:
 - Nguồn vốn hiện có:.....(đồng), trong đó: Vốn bằng tiền: (đồng)
4. Tổng số vốn xin vay từ Quỹ cho vay giải quyết việc làm: (đồng)
5. Thời hạn vay vốn: tháng. Lãi suất vay:%/tháng
6. Mục đích sử dụng tiền vay:
7. Thời gian thực hiện dự án:

III. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Tôi cam kết quản lý và có trách nhiệm đôn đốc các thành viên vay vốn sử dụng đúng mục đích và hoàn trả vốn và lãi đúng thời hạn cho nhà nước.

**Xác nhận của UBND
xã, phường, thị trấn**

..... Ngày tháng năm

Chủ dự án

(Ký và ghi rõ họ tên)



TỈNH, TP.....HUYỆN, QUẬN, TX.....
 Xã, Phường, Thị trấn.....

**BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
 THAM GIA DỰ ÁN VAY VỐN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**
 (Kèm theo dự án của chủ dự án:..... Địa chỉ:.....)

S T T	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Số lao động hiện có trong hộ (Người)	Số vốn hiện có (Triệu đồng)	Số vốn xin vay (Triệu đồng)	Mục đích sử dụng vốn	Thời hạn vay vốn (tháng)	Số lao động thu hút (người)
1								
2								
3								
.								
.								
.								
.								
Tổng cộng						x	x	

Chủ dự án
 (Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN THAM GIA DỰ ÁN VAY VỐN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Kính gửi: Ông/Bà.....

Chủ dự án nhóm hộ.....

Tên tôi là:..... Năm sinh:.....

Số CMND:..... Cấp ngày:..... tại:.....

Trú tại:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Nghề nghiệp chính:.....

Có tư liệu sản xuất:

- Đất ruộng: m²; vườn: m²; chuồng trại: m²

- Vật nuôi (số lượng gia súc, gia cầm):..... con, giá trị: (đồng);

- Cây trồng (số lượng cây):cây, giá trị:(đồng);

- Công cụ sản xuất (ghi cụ thể, số lượng):cái, giá trị: (đồng);

- Lao động trong hộ (người):

- Tiền mặt (đồng):

Tổng số vốn hiện có: (đồng)

Nay tôi có nhu cầu tham gia dự án vay vốn giải quyết việc làm để vay vốn đầu tư sản xuất (ghi cụ thể mục đích sử dụng vốn vay):.....

Số vốn cần vay (đồng): Lãi suất vay: %/tháng

Thời hạn vay: tháng, để tạo việc làm mới cho: lao động

Trong đó:

+ Lao động nữ: người; Lao động là người tàn tật: người

+ Lao động là người dân tộc: người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Ông/Bà cho tôi được tham gia dự án vay vốn cho Quý cho vay giải quyết việc làm, nếu được vay vốn tôi bảo đảm sử dụng vốn vay đúng mục đích được duyệt và cam kết hoàn trả vốn và lãi đúng thời hạn. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của UBND xã,
phường, thị trấn.**

..... Ngày tháng năm 200.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm 200.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

(Áp dụng cho dự án của cơ sở sản xuất kinh doanh)

1. Tên dự án:
2. Tên chủ dự án:
- CMND số: do..... cấp ngày /.../.....
3. Chức vụ:
4. Địa chỉ liên hệ:
5. Địa điểm thực hiện dự án:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA THẨM ĐỊNH

1. Ông (bà): Chức vụ: Đại diện:
2. Ông (bà): Chức vụ: Đại diện:
3. Ông (bà): Chức vụ: Đại diện:

B. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. Tình hình doanh nghiệp:

1. Lịch sử phát triển của cơ sở sản xuất kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng chỉ hành nghề/Quyết định thành lập số: do cấp ngày/...../.....
 - Ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập:
 - Ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện tại:
2. Đánh giá về điều kiện sản xuất kinh doanh:

 - Văn phòng:
 - Điều kiện về máy móc thiết bị:
 -
 -
 - Nhà xưởng, kho bãi hoặc đất sản xuất:
 -

II. Đánh giá nội dung dự án:

1. Nhu cầu vốn của dự án:
 - Tổng nhu cầu vốn:
 - Vốn hiện có: đồng. Trong đó: Vốn tự có đồng
 - Vốn đề nghị vay từ Quỹ Quốc gia về việc làm: đồng
 - Mục đích sử dụng vốn vay:
 -
2. Mục tiêu giải quyết việc làm:
 - Số nhân viên hiện tại: người
 - Khả năng thu hút lao động mới: người

R

3. Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh của dự án

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Trước dự án	Sau dự án
1. Tổng doanh thu		
2. Giá gốc doanh thu		
3. Chi phí nhân công		
4. Các chi phí khác		
5. Chi phí sinh hoạt (trường hợp kinh doanh cá thể)		
6. Chi nộp thuế		
7. Chênh lệch thu chi (1-2-3-4-5-6):		

4. Tài sản thế chấp:

- Tài sản dự kiến sẽ thế chấp, cầm cố bảo đảm cho khoản tiền vay:
- Giá trị tài sản thế chấp:
- Giấy chứng nhận pháp lý về tài sản thế chấp, cầm cố:

5. Kết luận (tính khả thi của dự án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ và thu hút việc làm, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ dự án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định; chúng tôi thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền đề nghị cho vay: đồng
Bằng chữ:
2. Thời hạn cho vay tháng; lãi suất tiền vay: %/tháng
3. Tạo việc làm ổn định cho lao động tại cơ sở
4. Thu hút thêm lao động mới vào làm việc. Trong đó:
+ Lao động nữ:..... người; Lao động là người tàn tật:.....người
+ Lao động là người dân tộc:..... người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.
5. Mục đích sử dụng tiền vay:

Chủ dự án
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện cơ quan tham gia thẩm định
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm 200.....

PHIẾU THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

(Áp dụng cho dự án hộ và nhóm hộ gia đình)

1. Tên dự án:
2. Tên chủ dự án:
3. Chức vụ:
4. Địa chỉ liên hệ:
5. Đối tượng quản lý dự án:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA THẨM ĐỊNH

1. Ông (bà): Chức vụ: Đại diện:
2. Ông (bà): Chức vụ: Đại diện:
3. Ông (bà): Chức vụ: Đại diện:

B. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá thực trạng các hộ tham gia dự án:
 - a. Thực trạng sản xuất kinh doanh của các hộ (số hộ gia đình tham gia, ngành nghề sản xuất, tình trạng tư liệu sản xuất, nguồn vốn hiện có của các hộ):
.....
.....
 - b. Thực trạng lao động trong các hộ tham gia dự án (số người trong hộ, tình trạng việc làm, thu nhập)
.....
.....
2. Mục tiêu của dự án:
 - a. Khả năng phát triển kinh tế của các hộ, ngành nghề lựa chọn, nhu cầu và mục đích vay vốn của các hộ
.....
.....
 - b. Mục tiêu tạo việc làm cho người lao động (số lao động được giải quyết việc làm và khả năng thu nhập của các hộ trong dự án):
.....
.....
3. Nguồn trả nợ của dự án:
 - a. Hiệu quả của dự án, tăng thu nhập, tăng tích lũy để trả nợ vay.....
.....
.....
 - b. Trả nợ từ các nguồn khác
.....
.....

12

4. Kết luận: (tính khả thi của dự án, hiệu quả và khả năng hoàn trả vốn):

.....
.....
.....

C. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHO VAY

Căn cứ dự án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định; chúng tôi thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Mức đề nghị cho vay: tổng số tiền: đồng
2. Số hộ đề nghị cho vay (danh sách kèm theo): hộ
3. Thời hạn cho vay tháng; lãi suất tiền vay: %/tháng
4. Số lao động được thu hút: người. Trong đó:
 - + Lao động nữ: người; Lao động là người tàn tật: người
 - + Lao động là người dân tộc: người; Lao động bị thu hồi đất do chuyển đổi mục đích sử dụng đất: người.
5. Mục đích sử dụng tiền vay:

.....
.....

Chủ dự án
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện cơ quan tham gia thẩm định
(Ký, ghi rõ họ và tên)

R

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/HĐ-TD

(Áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh)

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

- Căn cứ bộ luật dân sự năm 2005 ngày 27/6/2005;

- Căn cứ văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn để giải quyết việc làm của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Căn cứ quyết định phê duyệt cho vay từ Quỹ Quốc gia quốc gia về việc làm của:.....;

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên A)

- Tên đơn vị cho vay:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:
- Giấy ủy quyền (nếu có)
- Do ông (bà) ủy quyền.....

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên B)

- Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:.....
- Địa chỉ:.....; Điện thoại:.....
- Số tài khoản tiền gửi: tại Ngân hàng:.....
- Đại diện là ông (bà).....; Chức vụ:
- CMND số: do CA cấp ngày
- Họ tên người được ủy quyền giao dịch vay vốn:
- CMND số: do CA cấp ngày
- Địa chỉ thường trú:

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1- Nội dung cho vay

1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng

Bằng chữ:

1.2. Mục tiêu giải quyết việc làm

- Số nhân viên hiện có:..... người.
- Số lao động được thu hút mới: người

1.3. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày .../.../.....

1.4. Lãi suất tiền vay:.

- Lãi suất cho vay: %/ tháng
- Lãi suất quá hạn:..... %/tháng
- Tiền lãi trả theo:.....

1.5. Nợ gốc tiền vay được trả kỳ vào các ngày:

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- ...

Điều 2- Phát tiền vay

- 2.1- Bằng tiền mặt: đồng
- 2.2- Bằng chuyển khoản (nếu có): đồng
- 2.3. Phát tiền vay một hay nhiều lần

Điều 3- Hình thức bảo đảm tiền vay

.....
.....
.....
.....

Điều 4- Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....
.....
.....

Điều 5- Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

5.1- Quyền của Bên A

- a- Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.
- b- Ngừng cho vay và báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện bên B sử dụng vốn không đúng mục đích và không tạo được việc làm cho người lao động như đã thỏa thuận.
- c- Chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày Bên B bị xử lý thu hồi nợ trước hạn nếu Bên B không hoàn trả đầy đủ nợ vay hoặc kể từ ngày đến hạn trả nợ nếu bên B có khả năng trả nợ nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng Bên B không được gia hạn nợ.
- d- Đề nghị các cơ quan pháp luật hoặc chủ động xử lý phát mại tài sản thế chấp, cầm cố, hoặc các tài sản hình thành từ tiền vay hoặc trích tài khoản tiền gửi của Bên B để thu nợ khi Bên B đã bị chuyển nợ quá hạn trên 30 ngày.

Handwritten mark

e- Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này.

5.2- Nghĩa vụ của Bên A

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Phát đủ số tiền vay phù hợp với tiến độ thực hiện dự án của bên vay, thu hồi nợ (gốc và lãi) khi đến hạn. Tiền lãi được tính trên vốn và thời hạn vay thực tế, không nhập lãi vào gốc vay.

c- Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên vay.

d- Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên vay trước khi đến hạn 30 ngày.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

6.1- Quyền của Bên B

a- Trả nợ trước hạn và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b- Từ chối mọi yêu cầu của bên A trái với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

6.2- Nghĩa vụ của Bên B

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt. Thu hút đủ số lao động vào làm việc, hoặc tạo việc làm ổn định cho người lao động theo dự án được duyệt. Hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng này.

c- Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để đảm bảo cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.

d- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong việc vay vốn, sử dụng vốn vay và tạo việc làm cho người lao động.

Điều 7. Một số thỏa thuận khác

.....
.....
.....

Điều 8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 9. Cam kết chung

1- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(kèm theo HĐTD số: Ngày .../.../.....)

1. Phân theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ trong hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền vay	Lãi suất %/ tháng	Hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền trả nợ		Dư nợ	Chữ ký	
					Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

2. Phân theo dõi gia hạn nợ

Ngày, tháng, năm	Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4

3. Phân theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/tháng	Số tiền trả nợ		Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
				Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:/HD-TD

(Áp dụng cho hộ gia đình)

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004;

- Căn cứ bộ luật dân sự năm 2005 ngày 27/6/2005;

- Căn cứ văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn của Quỹ quốc gia về việc làm của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Căn cứ quyết định phê duyệt cho vay từ Quỹ Quốc gia quốc gia về việc làm của:

Hôm nay, ngày /...../, tại chúng tôi gồm có:

Bên cho vay (sau đây gọi tắt là Bên A)

- Tên đơn vị cho vay:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Giấy ủy quyền (nếu có)

- Do ông (bà) ủy quyền.....

Bên vay (sau đây gọi tắt là Bên B)

- Họ tên chủ hộ:; tuổi:

- CMND số: do CA cấp ngày/...../.....

- Địa chỉ thường trú:

.....
- Họ tên người thừa kế:

- CMND số: do CA cấp ngày :...../...../.....

- Địa chỉ thường trú:

- Quan hệ với chủ hộ:

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1- Nội dung cho vay

1.1. Tổng số tiền cho vay (bằng số):đồng

Bằng chữ:

Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....

1.3. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ tháng
- Lãi suất quá hạn:..... %/tháng
- Tiền lãi trả theo:.....

1.4. Nợ gốc tiền vay được trả kỳ vào các ngày:

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.
- ...

Điều 2- Phát tiền vay

2.1- Bằng tiền mặt: đồng

2.2- Bằng chuyển khoản (nếu có): đồng

2.3. Phát tiền vay một hay nhiều lần

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....
.....
.....
.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

4.1- Quyền của Bên A

a- Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay của Bên B.

b- Ngừng cho vay và báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi nợ trước hạn nếu phát hiện Bên B sử dụng vốn không đúng mục đích và không tạo được việc làm cho người lao động như đã thỏa thuận.

c- Chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày Bên B bị xử lý thu hồi nợ trước hạn nếu Bên B không hoàn trả đầy đủ nợ vay hoặc kể từ ngày đến hạn trả nợ nếu bên B có khả năng trả nợ nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn nợ cuối cùng Bên B không được gia hạn nợ.

d- Định đoạt tài sản hình thành từ tiền vay khi Bên B không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, hoặc không có chủ thể kế thừa nghĩa vụ trả nợ của bên B.

e- Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết.

4.2- Nghĩa vụ của Bên A

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Phát đủ số tiền vay như đã thỏa thuận, thu hồi nợ (gốc và lãi) khi đến hạn. Tiền lãi được tính trên vốn và thời gian thực tế, không nhập lãi vào vốn gốc cho vay.

c- Chịu mọi chi phí in ấn các ấn chỉ và cung cấp đầy đủ cho Bên B.

d- Gửi thông báo nợ đến hạn cho Bên B trước khi đến hạn trả nợ 30 ngày.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

5.1- Quyền của Bên B

a- Trả nợ trước hạn một hoặc nhiều lần và có thể trả nợ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b- Từ chối mọi yêu cầu của Bên cho vay trái với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

c- Ngoài mức lãi suất cho vay ghi tại Hợp đồng này, Bên vay không phải trả cho Bên cho vay bất cứ khoản phí nào trong khi nhận tiền vay và trả nợ.

5.2- Nghĩa vụ của Bên B

a- Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

b- Sử dụng tiền vay đúng mục đích được duyệt, hoàn trả đầy đủ nợ vay (cả tiền gốc và lãi) theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng này.

c- Không được sử dụng tài sản hình thành từ tiền vay để bảo đảm cho một nghĩa vụ dân sự khác, hoặc chuyển nhượng tài sản này khi chưa trả hết nợ vay.

d- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong việc vay vốn và sử dụng vốn vay trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Điều 6. Một số thỏa thuận khác

.....
.....
.....
.....

Điều 7. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cả tiền gốc và lãi.

Điều 8. Cam kết chung

1- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản của Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không hòa giải được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(kèm theo HĐTD số: Ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ trong hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền vay	Lãi suất %/ tháng	Hạn trả nợ cuối cùng	Số tiền trả nợ		Dư nợ	Chữ ký	
					Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

2. Phần theo dõi gia hạn nợ

Ngày, tháng, năm	Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4

3. Phần theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Lãi suất %/tháng	Số tiền trả nợ		Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
				Gốc	Lãi		Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8	9

M

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
KIÊM PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VÀ KHÉ ƯỚC NHẬN NỢ
Chương trình cho vay.....

Số:...../KƯ

I. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI VAY

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:.....
- Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....
- Địa chỉ cư trú:thôn.....; xã..... huyện.....
- Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
- Thuộc tổ chức Hội:..... quản lý.

2. Họ tên người thừa kế:..... Năm sinh

Quan hệ với người vay.....

- Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....

Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:..... đồng để dùng vào việc:

Đối tượng

Số lượng

Thành tiền

.....
.....
.....

- Thời hạn xin vay: tháng;

- Kỳ hạn trả nợ:..... tháng/lần; Số tiền trả nợ đồng/lần

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

- Lãi suất cho vay:....%/tháng, lãi suất nợ quá hạn:....%lãi suất khi cho vay.

Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng/quý, vào ngày

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày..... tháng năm

Tổ trưởng tổ TK&VV

(Hoặc cơ quan có thẩm quyền)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

II. PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay: đồng (Bằng chữ:.....)

2. Lãi suất:%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.

3. Thời hạn cho vay: tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ
tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

D

III. PHẦN THEO DÕI NỢ VAY

1. Phát tiền vay

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền vay từng lần	Tổng dư nợ	Chữ ký	
				Người vay	Cán bộ ngân hàng

2. Theo dõi gia hạn nợ, cho vay lưu vụ, xử lý rủi ro,...

Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Chữ ký Cán bộ Ngân hàng

3. Theo dõi thu nợ - thu lãi - dư nợ - chuyển nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền trả nợ		Tổng dư nợ	Lãi suất (%/tháng)	Chữ ký người thu tiền
		Gốc	Lãi			
1	2	3	4	5	6	7

Tên tổ TK&VV:
 Thôn:
 Xã:
 Huyện:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Chương trình cho vay.....

Mẫu số: 03/TD

Lập 03 liên: - 02 liên lưu NH
 (01 liên đóng chứng từ,
 01 liên lưu hồ sơ cho vay)
 - 01 liên lưu tổ TK&VV

Tại cuộc họp các thành viên trong tổ ngày / / đã bình xét các hộ thành viên xin vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những người có tên dưới đây được vay vốn đợt này:

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Đề nghị của Tổ TK&VV			Phê duyệt của Ngân hàng	
			Số tiền	Đối tượng	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
.....							
CỘNG:							

CAM KẾT CỦA TỔ

Toàn Tổ cam kết giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, sử dụng vốn vay đúng mục đích và đôn đốc nhau trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã cam kết

Tổ trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm

Phản xác nhận của UBND xã

Các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã, thuộc diện hộ.....

UBND xã
 (Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm ...

Phê duyệt của Ngân hàng

Số hộ được vay vốn đợt này:.....hộ.
 Tổng số tiền cho vay: đồng.
 Số hộ chưa được vay đợt này:.....hộ, có số thứ tự trong danh sách là:.....

Cán bộ tín dụng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH tỉnh.....
PGD:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:

Căn cứ hồ sơ cho vay đã được phê duyệt, NHCSXH thông báo kết quả phê duyệt cho vay như sau:

1. Tổng số hộ được vay đợt này (kèm danh sách mẫu số 03/TD nếu có): hộ.

Số tiền:.....đồng. Bằng chữ:

2. Số hộ chưa được vay đợt này:hộ

- Có số thứ tự trong danh sách là:

- Số tiền:.....đồng.

3. Lịch phát tiền vay vào giờ phút, ngàytháng năm
tại địa điểm

Đề nghị thông báo cho những người được vay đến địa điểm
và thời gian nêu trên để nhận tiền vay.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CN NHCSXH
 TỈNH.....
 PGD:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06/TĐ
 Lập 02 liên:
 - 01 liên lưu NH;
 - 01 liên lưu Tổ

Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay
 (Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra:, chức vụ

Thời điểm kiểm tra:, địa bàn kiểm tra:.....

PHẦN GHI THEO HỒ SƠ CHO VAY					PHẦN KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI HỘ VAY VỐN				
S t t	Số số vay vốn (Khế uớc)	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Thực tế sử dụng		Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
						Vào việc	Số tiền		
1									
2									
3									
4									
...									

Nhận xét: Kiểm tra, đối chiếu thực tế được hộ, số tiền đồng. Trong đó:
 - Số hộ sử dụng đúng mục đích:hộ, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.
 - Số hộ sử dụng sai mục đích:hộ, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:

.....

.....

Ngày, tháng, năm

Cán bộ kiểm tra
 (Ký, ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....
Họ và tên người vay:Năm sinh:.....
Địa chỉ cư trú tại:
Là thành viên tổ TK&VV:.....do ông (bà).....làm tổ trưởng.
Thuộc tổ chức Hội.....quản lý.
Số TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số:; lập ngày ... / ... /.....
Hiện nay tôi còn nợ Ngân hàng số tiền gốc:.....đồng; số tiền lãi:đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả vào ngày tháng năm, nhưng đến nay tôi chưa trả được nợ vì lý do sau đây:

.....
.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc nêu trên đến ngày..... tháng..... năm.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Phê duyệt của NHCSXH

1. Cho gia hạn nợ số tiền:.....đồng. (Bằng chữ.....)

2. Thời gian cho gia hạn nợ:.....tháng.

Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngàytháng năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN HỌP TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN

V/v: (thành lập, bổ sung, thay đổi):.....

Hôm nay, ngày..... tháng năm.....

Tại thôn xã..... huyện

Chúng tôi gồm có:.....thành viên là chủ hộ gia đình cùng cư trú tại địa bàn, tự nguyện hợp đểtheo quy định về tổ chức hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn. Tất cả thành viên dự họp đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

I- Danh sách thành viên được kết nạp vào tổ gồm.....thành viên có tên dưới đây:

- | | | |
|---------|---------|---------|
| 1..... | 17..... | 33..... |
| 2..... | 18..... | 34..... |
| 3..... | 19..... | 35..... |
| 4..... | 20..... | 36..... |
| 5..... | 21..... | 37..... |
| 6..... | 22..... | 38..... |
| 7..... | 23..... | 39..... |
| 8..... | 24..... | 40..... |
| 9..... | 25..... | 41..... |
| 10..... | 26..... | 42..... |
| 11..... | 27..... | 43..... |
| 12..... | 28..... | 44..... |
| 13..... | 29..... | 45..... |
| 14..... | 30..... | 46..... |
| 15..... | 31..... | 47..... |
| 16..... | 32..... | 48..... |

Tổng số thành viên trong Tổ:.....thành viên.

II- Bầu Ban quản lý (bổ sung, thay đổi) của Tổ TK&VV: gồm các ông (bà) có tên dưới đây:

1. Ông (bà)..... chức vụ:.....
2. Ông (bà)..... chức vụ:.....
3. Ông (bà)..... chức vụ:.....

III- Các thành viên trong Tổ cùng nhau thông qua Quy ước hoạt động như sau:

1. Tổ trưởng là người đại diện cho Tổ tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của Tổ.

2. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất và các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư....để nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh.

3. Gửi tiền tiết kiệm định kỳ hàng tháng (quý) với mức tối thiểu là đồng/thành viên.

4. Tất cả các thành viên cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thoả thuận.

5. Mỗi thành viên của Tổ cam kết cùng cộng đồng trách nhiệm, nếu trong Tổ có thành viên gặp khó khăn, rủi ro trong quá trình sử dụng vốn vay, khi đến hạn không trả được nợ, các thành viên khác có trách nhiệm giúp đỡ để trả nợ gốc và lãi tiền vay kịp thời như đã cam kết với Ngân hàng.

6. Nếu Tổ được Ngân hàng tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm của các thành viên, thì toàn bộ thành viên trong Tổ hoàn toàn nhất trí để Tổ trưởng thu lãi, thu tiết kiệm nộp Ngân hàng.

7. Các thành viên tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh; cùng nhau cam kết thực hiện đúng quy ước này và chấp hành các quy định cho vay của Ngân hàng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các thành viên trong tổ hoàn toàn nhất trí, thông qua. Đề nghị UBND xã công nhận và cho phép tổ tiết kiệm và vay vốn của chúng tôi được hoạt động tại địa phương.

HỘI, ĐOÀN THỂ CHỦ TRÌ CUỘC HỌP THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Phê duyệt của Ủy ban nhân dân xã

(Áp dụng cho trường hợp thành lập Tổ hoặc thay đổi Tổ trưởng)

Công nhận Tổ tiết kiệm và vay vốn do ông (bà).....làm
Tổ trưởng được hoạt động theo Quy ước của Tổ đề ra.

Ngày.....tháng.....năm.....

UBND XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

IV

**HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM GIỮA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
VỚI TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN**

V/v:.....

Căn cứ Biên bản họp Tổ tiết kiệm và vay vốn V/v: thành lập Tổ và thông qua quy ước hoạt động của Tổ đã được Ủy ban nhân dân xã công nhận và cho phép hoạt động.

Hôm nay, ngày...../...../....., tại.....

Chúng tôi gồm có:

1. Bên uỷ nhiệm (bên A)

- Ngân hàng Chính sách xã hội
- Đại diện ông (bà):.....Chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....số điện thoại.....

2. Bên nhận uỷ nhiệm (bên B)

- Tên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV):
- Địa chỉ:.....
- Đại diện ông (bà):Chức vụ: Tổ trưởng
- CMND số:..... ngày cấp...../...../.....nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....

Hai bên nhất trí thoả thuận các nội dung sau:

Điều 1. Bên A uỷ nhiệm cho bên B thực hiện các công việc sau đây:

1. Nhận giấy đề nghị vay vốn của thành viên. Tổ chức họp các thành viên trong Tổ để thực hiện bình xét công khai, dân chủ. Lựa chọn thành viên đủ điều kiện vay vốn. Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận và đề nghị ngân hàng cho vay. Thông báo kết quả phê duyệt cho vay, lịch giải ngân đến từng thành viên. Chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi của bên A tại điểm giao dịch.

2. Bên B phải đôn đốc người vay sử dụng tiền vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi theo kế hoạch đã thoả thuận.

3. Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay, bên B thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của 100% các thành viên trong Tổ (mẫu số 06/TD) để gửi cán bộ NHCSXH nơi cho vay. Trường hợp hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích thì lập biên bản và yêu cầu hộ vay trả nợ trước hạn.

4. Bên B (được/không được)..... thu lãi, thu tiền tiết kiệm của thành viên trong Tổ.

5. Phối hợp cán bộ tổ chức Hội, chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ bị rủi ro (nếu có), các trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích, trốn, chêt, mất tích, rủi ro do nguyên nhân khách quan và thông báo kịp thời cho bên A.

6. Mở sổ theo dõi cho vay - thu nợ - thu lãi của thành viên theo mẫu số 13/TD; lưu giữ hồ sơ của tổ TK&VV và các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động vay vốn.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A

- Phối hợp với tổ chức Hội để tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay cho bên B, cung cấp đầy đủ các mẫu biểu có liên quan đến hoạt động vay vốn.

- Thanh toán tiền hoa hồng đầy đủ cho bên B theo định kỳ đã thoả thuận theo công thức:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \frac{\text{Tỷ lệ hoa hồng được hưởng.....\%}}{\text{Lãi suất cho vay\%}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Trường hợp, bên B có thu tiền gửi tiết kiệm của các thành viên, thì được bên A trả hoa hồng là.....% trên số tiền gửi tiết kiệm từng lần.

- Thực hiện kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất về các nội dung công việc mà bên B được uỷ nhiệm. Trường hợp phát hiện bên B vi phạm các điều khoản đã thoả thuận thì bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của bên B

- Thực hiện đầy đủ các nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng này.

- Nộp đầy đủ, kịp thời tiền lãi và tiền tiết kiệm thu được của các tổ viên vào bên A (nếu được bên A uỷ nhiệm thu). Tuyệt đối không được lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn để tham ô, chiếm dụng vốn; nếu xảy ra mất mát, thiếu hụt bên B phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Duy trì hoạt động theo quy ước hoạt động của Tổ TK&VV.

- Từ chối yêu cầu của bên A trái với nội dung đã thoả thuận.

- Bên B được hưởng hoa hồng do bên A trả theo kết quả thu lãi, thu tiết kiệm.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Mỗi bên có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện tốt các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này.

2. Trường hợp người đại diện Tổ ký hợp đồng này có sự thay đổi do chuyển chỗ ở hoặc buộc nghỉ việc hoặc thay đổi thành viên đại diện Tổ thì người kế nhiệm có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, hai bên không được tự ý thay đổi nội dung thoả thuận; nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết; nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác; trong trường hợp không hoà giải được, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để tổ chức thực hiện và gửi Hội cấp xã trực tiếp quản lý 01 bản.

Đại diện bên B
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên A
(ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH
PGD:

Mẫu số: 12/TD
Lập 02 liên:
- 01 liên lưu NH,
- 01 liên lưu tổ TK&VV

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN THU

Họ tên người nộp tiền:.....
Tổ TK&VV....., xã....., huyện.....
Thuộc tổ chức Hội.....quản lý.

STT	Họ và Tên người vay	Số số TK&VV hoặc khế ước nhận nợ	Số tiền thu		
			Tổng số	Trong đó	
				Tiền lãi	Tiền tiết kiệm
1	2	3	4	5	6

Tổng số tiền nộp:..... đồng.
Bằng chữ

Người nộp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng..... năm.....
Kê toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỔ THEO DÕI CHO VAY - THU NỢ - THU LÃI CỦA THÀNH VIÊN

Tháng (Quý).....năm.....

Tổ TK&VV thôn..... xã..... huyện.....

Thuộc tổ chức Hội.....quản lý.

S TT	Họ và Tên người vay	Số sổ (khé ước nhận nợ)	Số tiền cho vay	Hạn trả nợ cuối cùng	Số nợ gốc còn lại	Số tiền lãi trả trong kỳ	Số tiền Tiết kiệm		Chữ ký xác nhận của người vay
							Nộp kỳ này	Số dư tiết kiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	C. trình hộ nghèo								
1	Lê Văn A								
2.	Bùi Thị B								
3									
...									
II	C. trình NS, VSMT								
1	Nguyễn Văn C								
2.	Bùi Thị B								
3									
III	C. trình HSSV								
1									
2									
3									
	Cộng								

Ghi chú: - Sổ này được thiết kế theo hình thức sổ đầu thừa (Cột 01, 02, 03).

- Sổ này dùng chung cho tất cả các chương trình tín dụng ưu đãi do Tổ quản lý.

NHCSXH TỈNH.....
PGD.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số:14/TD
Lập 02 liên:
- 1 liên lưu NH
- 1 liên lưu Tổ

THÔNG BÁO DANH SÁCH CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

KÍNH GỬI: Ông (Bà)..... Chức vụ.....
..... thôn:, xã, huyện

Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo cho Ông (Bà) biết về việc chuyển sang nợ quá hạn do sử dụng vốn sai mục đích hoặc không trả nợ vay đúng hạn. Lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay.

DANH SÁCH NGƯỜI VAY CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN NHƯ SAU:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN	NGÀY CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
.....			

Đề nghị Ông (Bà) đôn đốc và cùng với các thành viên trong Tổ giúp đỡ nhau, tìm biện pháp để trả nợ đầy đủ.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hội:.....

Xã:.....

Tổ TK&VV (dự án):.....

DANH SÁCH ĐỐI CHIẾU DƯ NỢ VAY

Chương trình cho vay:... ..

Đến ngày/...../.....

Mẫu số 15/ TD

Lập 1 liên lưu NH.

Stt	Họ tên người vay	Số sổ TK&VV (khế ước)	Số liệu tại Ngân hàng		Số liệu đối chiếu tại hộ		Số chênh lệch		Chữ ký xác nhận của người vay
			Số tiền nợ gốc	Số lãi đã trả đến ngày.../.../...	Số tiền nợ gốc	Số lãi đã trả đến ngày.../.../...	Số tiền nợ gốc	Số tháng đã trả lãi	
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6-4	9 = 7-5	10
Tổng cộng				x		x			

Cán bộ đối chiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

NHCSXH
PGD HUYỆN.....

MÁU SỐ: 17/TD
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

(V/v *Phê duyệt dự án vay vốn*)

Kính trình:

Thực hiện Quyết định số ngày /..... /..... của

..... V/V

.....

và Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay số ngày/...../.....

của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ vào báo cáo thẩm định của cán bộ tín dụng đối với dự án (phương án) vay vốn của Ông (Bà) địa chỉ

.....

là Chủ dự án (phương án) vay vốn

(Chi tiết theo Biểu tổng hợp đính kèm)

Trên đây là đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội.....

kính trình..... xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu NH.

....., ngày/...../20.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHCSXH
PGD huyện.....

MÁU SỐ: 18/TD
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm..... tại

Họ và tên người nhận hồ sơ vay vốn.....

Đơn vị công tác: Phòng (Tổ)..... NHCSXH huyện

Đã nhận hồ sơ vay vốn của Ông (Bà).....

Là

Địa chỉ:.....

Hồ sơ nhận gồm:

- Dự án vay vốn..... bản, của
- Đơn tham gia dự án của từng hộ (dự án nhóm hộ)
- Biểu tổng hợp danh sách hộ gia đình tham gia dự án vay vốn
- Giấy tờ về bảo đảm tiền vay (nếu có):
- Các giấy tờ liên quan khác:
- Số bộ hồ sơ:..... bộ

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

